Phap Duyen Khoi - 04

Pháp Duyên Khởi

Phap Duyen Khoi - 04

Times font

Pháp Duyên Khởi (Paticcasamuppàda)

Đại Trưởng Lão Mahàsi Sayadaw - Tỳ kheo Minh Huệ dịch Việt

[Phần 4]

-oOo-

Danh Sắc Duyên Lục Nhập

Danh sắc duyên sanh lục nhập. Câu này rất thâm sâu và khó hiểu. Ở đây, danh có nghĩa là ba nhóm sở hữu (cetasika khandha), trong khi đó sắc chỉ về bốn đại, sáu loại sắc, mạng quyền, sắc thời tiết và sắc vật thực.

Danh sắc dẫn đến lục nhập hay năm căn, đó là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu xứ này là những cánh cửa dẫn đến lộ trình tâm. Trong thế giới tâm thức, mỗi đơn vị tâm trong suốt cuộc sống đều sanh lên từ các sở hữu câu sanh, nhưng đối với những người bình thường thì sự hiểu biết này vẫn còn là sự hiểu biết của sách vở, chỉ có những vị thánh nhân mới thấy được điều này.

Hơn nữa, trong bất cứ kiếp sống nào như kiếp người mà có cả danh lẫn sắc, thì mỗi tâm quả sanh lên từ lúc tục sanh cũng do bởi các sở hữu câu sanh. Tâm quả là loại tâm chỉ có thấy, nghe v.v... các cảnh khả ái hoặc không khả ái.

Ở đây, tâm thấy không thể tự nó sanh lên được, vì trong sự thấy đó hàm ý có các sở hữu hoạt động, như tác ý, xem xét cảnh sắc, tiếp xúc với cảnh và tư cố gắng nhìn thấy cảnh. Tâm thấy chỉ có thể sanh lên khi những sở hữu câu sanh này phát sanh chung với nhau cùng một lúc. Đây là điều kiện cùng sanh lên mà Pàli gọi là Sahajàta paccaya- câu sanh duyên. Như vậy, một khối vật nặng mà do bốn người nhấc thì khônbg thể nào nhấc lên được do riêng một người trưởng nhóm. Cũng thế, dầu thức là yếu tố chính của đời sống tâm linh, tự nó có tác dụng rất ít. Nó chỉ có thể hoạt động cùng với những sở hữu khác.

Hơn nữa, những sở hữu câu sanh này đóng góp vào năm xứ, đó là mắt, tai v.v... do sự đồng sanh vào lúc tái sanh. Trong những loại tái sanh khác mà không bao hàm sự thọ sanh vào lòng mẹ, cũng có thể có tất cả năm xứ ngay từ đầu. Sự trợ duyên sanh các xứ do thức và các sở hữu vào lúc thọ sanh là điều khó hiểu, nhưng chúng ta phải công nhận theo lời dạy của Đức Phật. Vào lúc khác, tâm quả cũng như tâm phi quả đều đóng góp vào việc duy trì các xứ. Điều này cũng dễ hiểu vì sắc không thể hiện hữu mà không có tâm.

Sắc Và Xứ

Thức tái sanh khởi lên dựa vào nền tảng của ý vật (hadaya-vatthu). Ý xứ có nền tảng của nó ở mắt, tai v.v... Ý tưởng và thức cũng lấy sắc ý vật làm nền tảng vật chất của chúng. Tất cả những sắc phụ như mắt, cảnh sắc, v.v... đều dựa vào bốn đại, đó là đất, nước, gió, lửa. Năm tinh sắc hay sắc thần kinh, tức là mắt, tai v.v... đều có nguồn gốc ở bốn đại và những sắc do nghiệp sanh ở mạng quyền. Năm sắc xứ cũng dựa vào sắc vật thực.

Nói tóm lại, tâm thức sanh lên do duyên của ít nhất là ba sở hữu tâm, đó là: Tác ý, xúc và tư. Đôi khi có sanh lên nhiều lần trạng thái tham muốn, khao khát, nóng giận, si mê, ngã mạn, hoài nghi, phóng dật, lo âu, ganh tị, hận thù, bực bội, sợ hãi, v.v...Tất cả những trạng thái này sanh lên do bởi những sở hữu bất thiện. Tương tự, cũng thường có khởi sanh đức tin, tịnh tín, tâm hướng thiện, trạng thái vô tham, lòng bi mẫn, hỷ cảm, niềm tin nhân quả, tâm quán xét vô thường, khổ, vô ngã, v.v... Tất cả những trạng thái này đều sanh lên do bởi những sở hữu thiện. Như vậy, hành giả cảm nhận ra sự tùy thuộc của thức vào các sở hữu thiện hoặc bất thiện, sự tùy thuộc của nhãn thức vào con mắt. Rõ ràng là ý xứ tùy thuộc vào danh sắc.

Tâm cũng cần thiết đối với sự hiện hữu của sắc đang sống. Bởi vậy, năm xứ mà sản sanh ra năm căn đều dựa vào tâm. Năm loại sắc thần kinh không thể tồn tại nếu không có những sắc thô, cũng như tấm gương soi không thể có được nếu không có thủy tinh thô. Bởi vậy, con mắt bao hàm sự hiện hữu của chất cứng (đất), chất dính (nước), hơi nóng (lửa), và tính giãn nở (gió). Khả năng thấy dựa vào sắc thô của mắt. Khả năng nghe, nếm v.v... cũng vậy. Hơn nữa mạng sống của chúng ta có thể tiếp tục, không gián đoạn cũng nhờ sắc mạng quyền và sắc vật thực. Tất cả những điều này cho thấy năm sắc xứ bắt nguồn từ danh sắc như thế nào.

Xứ thứ sáu, tức là ý xứ, bao gồm ý nghĩ, suy quán, ý định v.v..., đều tùy thuộc vào những sở hữu thiện và bất thiện như: Tham, tín và những sở hữu như xúc, cũng như tùy thuộc vào sắc căn bản của nó. Nó khởi sanh từ nguồn gốc của nó, tức là hữu phần, mà hữu phần thì làm nền tảng cho lộ ý môn (manodvàra vithi).

Kết Luận

Nói tóm lại, sự thấy bao gồm sắc thần kinh và thức. Nhãn căn tùy thuộc vào thức, mạng quyền, vật thực và sắc căn bản. Nhãn thức tùy thuộc vào nhãn căn và ba sở hữu tâm, là tác ý, tư và xúc. Con mắt cũng như thức tùy thuộc vào danh sắc và năm xứ còn lại cũng tương tự như vậy.

Sự hiểu biết thông suốt về sáu Xứ bắt nguồn từ danh sắc như thế nào chỉ có thể xảy ra đối với chư vị Bồ tát. Trong số hàng thánh đệ tử của Đức Phật, ngay cả Ngài Xá-lợi-phất và Mục Kiền Liên xem ra cũng không hiểu thấu đáo về nó trước khi các Ngài chứng đắc tầng thánh Tu-đà-hườn, vì theo kinh sách ghi lại, đạo sĩ Upatissa mà sau này là trưởng lão Xá-lợi-phất đã chứng đắc tầng thánh thứ nhất do nghe câu kệ được nói ra bởi trưởng lão Assaji.

Câu kệ, do Đức Phật thuyết, nói rằng tất cả các pháp là kết quả của những pháp khác làm nhân, Đức Phật chỉ ra những nguyên nhân này và có sự chấm dứt các quả cùng với

các nhân. Upatissa đã chứng đắc quả thánh Tu-đà-hườn sau khi nghe câu kệ này, nhưng họ không thể quán xét sâu đậm về pháp duyên khởi này trong một khoảng thời gian ngắn ngủi như vậy. Người ta có thể hiểu rõ giáo pháp của Đức Phật theo khả năng hiểu biết của mình, nhưng không thể hiểu hết pháp ấy một cách đầy đủ được.

Chú giải đã giải thích câu kệ liên quan đến Tứ diệu đế: "Tất cả các pháp là quả", chỉ về khổ đế có nhân là ái dục. Trong câu kệ, ái dục là nhân, là nhân của khổ.

Bởi vậy, câu kệ tóm gọn chân lý về khổ và nguyên nhân của nó.

Vào thời ấy, có nhiều quan điểm về linh hồn, cho rằng linh hồn là bất tử và chuyển sanh sang thế giới khác sau khi chết, linh hồn bị hủy diệt sau sự tan rã cuối cùng của thân xác, linh hồn do thượng đế tạo ra, linh hồn là vô định, v.v...Câu kệ chỉ công nhận sự hiện hữu của nhân và quả và phủ nhận tánh bất tử hay đoạn diệt của linh hồn, và giáo lý này giúp hai vị đạo sĩ có được tuệ quán đặc biệt về bản chất của đời sống.

Bộ Visuddhimagga mahàtika đồng hóa câu kệ này với giáo lý duyên khởi. Nó chỉ về một bài kinh trong bộ Samyutta nikàya, trong đó nói rằng: "Nếu nhân này sanh lên, thời quả kia theo sau. Nếu nhân này diệt thời quả kia sẽ chấm dứt". Theo bộ Mahàtika, thì nội dung chính của giáo pháp này nằm trong câu kệ trên, về cả sự sanh (tùy thuận) và sự diệt (nghịch) của khổ.

Tạng Mahàtika mô tả câu kệ này là bài kinh tóm tắc giáo lý duyên khởi. Bài kệ nào cũng được xem là có lợi ích nếu nó được tôn trí trong bảo tháp. Cho nên, chẳng lấy làm lạ khi những câu kệ được tìm thấy trong chính những Bảo tháp cổ.

Cả hai cách giải thích trong chú giải và trong bộ Mahàtika đều đáng ca ngợi, vì hai thánh đế đầu tiên ám chỉ pháp duyên khởi về sự sanh của khổ và nguyên nhân của nó, trong khi hai thánh đế sau ám chỉ giáo lý về sự diệt của khổ.

Để kết luận các nhân và các quả trong chuỗi nhân duyên. Trong kiếp quá khứ của một người, vô minh dẫn đến các hành vi, lời nói và ý nghĩ, và những hành này làm sanh khởi thức. Như vậy, có năm quả trong kiếp sống hiện tại đó là thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ. Đến lượt những quả này trở thành nhân hay nói cách khác, chúng gieo những hạt giống cho kiếp sống tương lai. đó là ái, thủ và hữu. Kết quả là có sinh, già, chết, ưu bi và khổ được dự trữ cho kiếp sống tương lai.

Pháp duyên khởi rất vi diệu và được Đức Phật thuyết đến Đại đức A-nan-đa. A-nan-đa suy quán giáo pháp ấy từ đầu đến cuối và ngược lại. Đối với đại đức A-nan-đa, điều ấy rất rõ ràng và không có gì khó khăn. Vị ấy đi đến Đức Thế Tôn và bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, pháp duyên khởi này quả thật rất vi diệu. Nhưng đối với con, nó xem ra dễ hiểu". Đức Phật quở trách A-nan-đa, nói rằng: "Này A-nan-đa, ngươi không nên nói như thế".

Theo chú giải, những lời của Đức Phật ám chỉ lời khen ngợi lẫn quở trách đến đại đức A-nan-đa. Đức Phật muốn nói như vầy: "Này A-nan-đa, ngươi rất sáng trí và do vậy, giáo pháp đối với ngươi thì dễ hiểu, nhưng ngươi đừng nghĩ rằng nó cũng dễ hiểu đối với những người khác".

Khả năng hiểu pháp của A-nan-đa là do bốn yếu tố, đó là: Ba-la-mật mà vị ấy đã tích lũy trong nhiều kiếp quá khứ, sự chỉ dạy của nhiều vị thầy, sự hiểu biết rộng rãi và sự chứng đắc Sơ đạo của vị ấy.

Vào một kiếp xa xưa trong quá khứ, A-nan-đa là hoàng tử Sumana, em trai của Đức Phật Padumuttara. Giữ chức vụ tổng trấn, Sumana đã dẹp yên một cuộc dấy loạn ở vùng biên giới. Đức vua rất hài lòng và cho Sumana chọn một đặc ân. Hoàng tử xin phép được phục vụ Đức Phật trong ba tháng an cư kiết hạ. Đức vua không muốn ban đặc ân này và vì vậy, vua nói lời thoái thoát rằng quả thật khó mà biết được ý của Đức Phật như thế nào; Vả lại, nếu Đức Phật miễn cưỡng đi đến chỗ ngụ của hoàng tử thì Ngài không thể làm gì được.

Theo lời đề nghị của các vị Tỳ khưu, hoàng tử yêu cầu trưởng lão Sumana để được yết kiến Đức Phật. Khi đã gặp được Đức Phật, hoàng tử hỏi Ngài về phước báu đặc biệt nào khiến Sumana có năng lực vượt trội các vị Tỳ khưu khác và được làm thị giả của Đức Thế Tôn. Đức Phật trả lời rằng hoàng tử có thể trở thành như Sumana bằng cách thực hành pháp bố thí và trì giới. Hoàng tử thỉnh Đức Thế Tôn nhập hạ ở thị trấn của vị ấy, để vị ấy có thể làm những việc phước, ngõ hầu thành tựu được những ước nguyện đặc biệt là trở thành thị giả của một vị Phật tương lai. Thấy rằng nếu Ngài đi đến đó sẽ đem lại lợi ích cho nhiều người, Đức Phật nói rằng: "Này Sumana, Như Lai muốn đi đến chỗ vắng vẻ". Lời tuyên bố trên ngầm ý chấp nhận lời thỉnh cầu của hoàng tử.

Sau đó hoàng tử truyền lệnh cho xây dựng một trăm tịnh xá dọc theo con đường, để Đức Phật và chư Tăng có chỗ nghỉ ngơi thoải mái qua đêm. Hoàng tử cũng mua một khu lâm viên và biến nó thành một tịnh xá lộng lẫy với những cốc liêu khác để Đức Phật và đông đảo chư Tăng trú ngụ.

Khi công việc đã hoàn thành, hoàng tử nhắn tin đến Đức vua và thỉnh Đức Phật về thị trấn của mình. Hoàng tử và tùy tùng của vị ấy long trọng đón tiếp Đức Phật và chúng Tăng, cúng dường đến các Ngài những bó hoa, vật thơm, thỉnh các Ngài đến tịnh xá. Ở đó, hoàng tử long trọng cúng dường tịnh xá và khu vườn đến Đức Phật.

Sau khi đã làm xong công việc bố thí vĩ đại này. Hoàng tử triệu tập các bà vợ của mình và các quan đến, rồi nhắn nhủ với họ như sau: "Đức Phật vì lòng bi mẫn đối với chúng ta mà đến đây rồi. Chư Phật không quan tâm đến lợi lộc. Các Ngài chỉ quan tâm đến việc thực hành chánh pháp. Ta muốn cúng dường Đức Phật bằng sự hành pháp để Ngài hoan hỷ. Ta sẽ thọ trì thập giới và ở tại chỗ ngụ của Đức Phật. Các ngươi hãy hộ độ và hầu hạ chư vị A-la-hán mỗi ngày trong ba tháng hạ này như ta đã làm trong ngày hôm nay".

-oOo-

[Mục lục] [01] [02]
[03] [04] [05]
[06] [07] [08]
[09] [10] Đầu trang

Chân thành cám ơn Tỳ kheo Thiện Minh, Chùa Kỳ Viên, Quận 3, Sài Gòn, đã gửi tặng phiên bản vi tính. (Bình Anson, 03-2001)

[Trở về trang Thư Mục]

update: 01-03-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.